trẻ em	chăm sóc	hoạt bát
bé tẹo	nhi đồng	nhỏ bé
cẩn thận	bát ngát	tựu trường
nhanh nhẹn	khai giảng	tỉ mỉ
chăm lo	thầy u	sung sướng
cha mẹ	hạnh phúc	mênh mông
siêng năng	chăm chỉ	

Ăn	ng		nói	thẳng

Đen	như		an

LIVEWORKSHEETS

Trẻ	người		dạ

Ác	giả	ác		áo

Ăn	to	nói		ớn

Ân	sâu,		ĩa	nặng

Chân	lấm		ay	bùn

Ăn	sung		ặc	sướng

Dù	ai	nói	ngả,	nói		iêng

Tôn	sư		ọng	đạo

1. Từ ngữ nào dưới đây không chỉ người?

khoa học học trò học sinh bác học

2.Tên riêng nào sau đây viết đúng?

Linh chi thu Phương hoàng linh Hoàng Nam

LIVEWORKSHEETS

3.Từ ngữ nào dưới đây chỉ đồ vật?

dạy dỗ bác sĩ giáo viên thước kẻ

4.Từ nào dưới đây viết đúng chính tả?

ngộ nghĩnh ngỉ ngơi ngành ngề ngô ngê

5.Dòng nào dưới đây gồm các tên gọi có chữ cái đầu được sắp xếp theo đúng thứ tự trong bảng chữ cái?

- ☐ Hùng, An, Linh, Thái ☐ An, Hùng, Linh, Thái
- ☐ Thái, Linh, Hùng, An ☐ Linh, An, Hùng, Thái

6.Từ ngữ nào dưới đây viết sai chính tả ?

☐ kem cốc ☐ kót cét ☐ con kiến ☐ kéo co

7.Giải câu đố sau:

Quả gì hình dáng cong cong

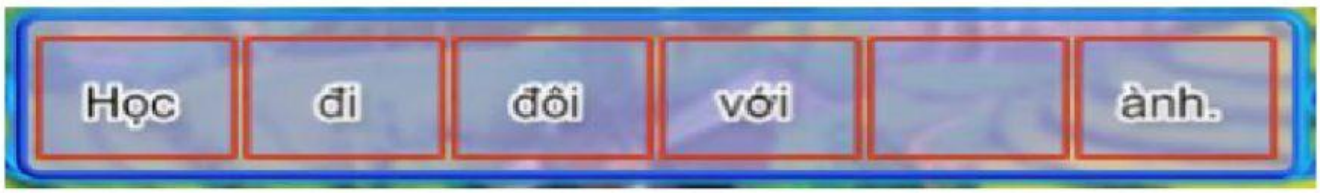
Xếp thành nhiều nải chờ mong chín vàng?

- ☐ quả cau ☐ quả xoài ☐ quả cam ☐ quả chuối









LIVEWORKSHEETS

Con	có		như	nhà	có	nóc.
Lan	dậy		ớm	tập	thể	dục.
Chúng	em		ui	vẻ	học	bài.
Khoẻ	như		oi			
Nhanh	như		óc			
Chậm	như		ùa			

8.Đoạn thơ sau tìm từ viết sai chính tả?

Đôi bàn tay bé xíu
Lại siêng năng nhất nhà
Hết sâu kim cho bà
Lại nhặt rau giúp mẹ.

(Theo Nguyễn Lãm Thắng)

xíu siêng sâu rau

9.Con vật nào có vần "ua"?






LIVEWORKSHEETS

Nhanh	như		hớp

10.Giải câu đố sau:

Con vật phi chạy băng băng

Có bờm, có vó đố rằng con chi?

- ☐ lừa ☐ sóc ☐ ngựa ☐ bò

11.Đây là con gì?



☐ con vịt ☐ con gà ☐ chim sẻ ☐ chim bồ câu

Đi	một	ngày	đàng	học	một	sàng		ôn.

Nước		ảy	đá	mòn

Lời		ay	ý	đẹp

Một		on	ngựa	đau	cả	tàu	bỏ	cỏ.

Ăn	ng		nói	thẳng

LIVEWORKSHEETS

Ăn	quả	nhớ	kẻ	trồng		ây.

Mưa		uận	gió	hòa

Ăn	sung		ặc	sướng

Ba		ân	bốn	cằng

Ăn	to	nói		ớn

Ân	sâu,		ĩa	nặng

Bịt	mắt	bắt		ê

Chị	ngã		nâng

Cây		không	sợ	chết	đứng.

Bán	anh	em	xa,	m		láng	giềng	gần.

LIVEWORKSHEETS

Thương		ười	như	thể	thương	thân.

Học	ăn,	học	nói,	học	gói,	học		ở

Cha	truyền,		nối

Chậm	như		ên

Chân	cứng,	đá		ềm

Chôn	rau	cắt		ốn

Ở	hiền	gặp		ành

Chuồn	chuồn	bay	thấp	thì		ưa

Con	hơn		là	nhà	có	phúc.

Uống	nước	nhớ		uồn.

LIVEWORKSHEETS

Dãi	nắng,	dầm		ương

Nói	ngọt		ư	mía	lùi	.

Nước	đổ	đầu		ịt

Rừng		àng	biển	bạc

Ếch		ồi	đáy	giếng

Của	ít	lòng		iều

Thẳng	như	ruột		ựa

Nói	như	nước	đổ	lá	kh		.

Ăn	chọn	nơi,		ơi	chọn	bạn

LIVEWORKSHEETS

Thắt		ưng,	buộc	bụng

Dù	ai	nói	ngả,	nói		iêng

Đen	như		an

Trẻ	người		dạ

Đất	lành		đậu

Gần	mực	thì	đen,	gần	đèn	thì		ạng.

Đói	cho	sạch,	rách	cho		ơm.

Chim	có	tổ,		ười	có	tông.

Công		,	nghĩa	mẹ,	ơn	thầy.

LIVEWORKSHEETS